

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2024

kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán riêng	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần City Auto (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho 6 tháng đầu năm 2024 kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 đã được soát xét.

Công ty Cổ Phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 17 ngày 27/10/2023 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 17 là: 893.964.630.000 đồng
Vốn góp của các cổ đông đến ngày 30/6/2024: 893.964.630.000 đồng

Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Trần Lâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Trần Quang Trí	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30/6/2024

Ban Tổng giám đốc Công ty gồm:

Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Tổng Giám đốc
-----------------------	---------------

Ban kiểm soát gồm:

Bà Hoàng Thị Thanh Hải	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Bà Đỗ Thị Như Duyên	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Bà Trần Thị Ứn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Đào Trọng Vũ	Trưởng ban	miễn nhiệm ngày 30/6/2024
Ông Lê Danh Thủ	Thành viên	miễn nhiệm ngày 30/6/2024

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty cho 6 tháng đầu năm 2024.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 6 tháng đầu năm 2024. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này;
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám Đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2024

TM.BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ĐĂNG HOÀNG

Số: 276.R/2024/DFK-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần City Auto

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 15 tháng 08 năm 2024, từ trang 7 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần City Auto chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính Riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và báo cáo tài chính Riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Công ty được kiểm toán, soát xét bởi công ty kiểm toán khác. Tại báo cáo kiểm toán số 281/BCKT/TC/2024/AASCS ngày 26 tháng 03 năm 2024 và báo cáo soát xét số 566/BCSX/TC/2023/AASCS ngày 09 tháng 08 năm 2023, kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần và kết luận chấp nhận toàn phần.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2023

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

Phó Tổng Giám Đốc



LÊ ĐÌNH HUYÊN

Số Giấy CNĐKHNKT 1756-2023-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		842.018.540.648	934.196.354.353
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	8.755.083.026	27.998.841.626
1. Tiền	111		8.755.083.026	27.998.841.626
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		678.648.011.032	650.506.376.025
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	216.024.791.901	292.979.193.849
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	118.164.365.286	116.567.994.696
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	344.366.155.706	240.866.489.341
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	92.698.139	92.698.139
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	150.392.811.566	242.217.359.679
1. Hàng tồn kho	141		150.392.811.566	242.217.359.679
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		4.222.635.024	13.473.777.023
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	4.221.778.398	1.961.323.291
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14b	-	11.512.453.732
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	856.626	-
B. Tài sản dài hạn	200		1.258.229.476.643	1.251.036.549.850
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		74.460.903.073	94.859.903.073
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	-	16.200.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	74.460.903.073	78.659.903.073
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		100.000.314.232	101.688.867.609
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	15.019.368.045	16.566.699.668
- Nguyên giá	222		36.427.012.026	39.498.205.663
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.407.643.981)	(22.931.505.995)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	84.980.946.187	85.122.167.941
- Nguyên giá	228		86.197.204.623	86.197.204.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.216.258.436)	(1.075.036.682)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		1.572.198.842	223.045.455
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.572.198.842	223.045.455
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		1.074.517.923.639	1.045.517.923.639
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11a	766.080.000.000	689.080.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.11b	26.000.000.000	26.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11c	105.000.000.000	153.000.000.000
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.11d	177.437.923.639	177.437.923.639
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		7.678.136.857	8.746.810.074
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	7.678.136.857	8.746.810.074
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.100.248.017.291	2.185.232.904.203

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		1.037.055.357.498	1.182.080.202.704
I. Nợ ngắn hạn	310		837.055.357.498	899.080.202.704
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	45.667.110.658	14.632.996.046
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	65.715.096.816	78.917.339.505
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	527.684.124	950.309.305
4. Phải trả người lao động	314		3.637.040.565	4.087.344.645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	3.954.858.302	6.611.996.978
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	19.494.461.006	18.821.093.702
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	697.532.527.572	774.336.544.068
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	526.578.455	722.578.455
II. Nợ dài hạn	330		200.000.000.000	283.000.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337		-	33.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	200.000.000.000	250.000.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.19	1.063.192.659.793	1.003.152.701.499
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.063.192.659.793	1.003.152.701.499
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		893.964.630.000	893.964.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		893.964.630.000	893.964.630.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.004.385.000	19.004.385.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.152.481.800	3.152.481.800
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		147.071.162.993	87.031.204.699
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		82.880.127.823	1.029.541.705
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		64.191.035.170	86.001.662.994
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.100.248.017.291	2.185.232.904.203

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính riêng

Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 08 năm 2024

Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Đăng Hoàng
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.348.592.204.092	1.534.176.837.383
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		21.475.552.655	41.015.454.544
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10	VI.01	1.327.116.651.437	1.493.161.382.839
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.264.548.033.518	1.407.537.431.252
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.568.617.919	85.623.951.587
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	111.070.776.853	74.929.879.693
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	37.862.101.678	23.714.567.905
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37.862.101.678	23.714.567.905
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	54.952.433.291	50.269.723.139
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	21.901.509.066	15.058.200.976
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		58.923.350.737	71.511.339.260
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	6.391.151.276	3.613.791.149
12.	Chi phí khác	32	VI.08	1.123.466.843	62.484.093
13.	Lợi nhuận khác	40		5.267.684.433	3.551.307.056
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		64.191.035.170	75.062.646.316
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	-
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		64.191.035.170	75.062.646.316

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính riêng

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

Ngày 15 tháng 08 năm 2024

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Hoàng

Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	64.191.035.170	75.062.646.316
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.872.127.075	1.979.631.048
Các khoản dự phòng	03	-	(3.570.151.900)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(113.165.097.421)	(74.929.879.693)
Chi phí lãi vay	06	37.862.101.678	23.714.567.905
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(9.239.833.498)	22.256.813.676
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	100.571.936.508	(226.235.508.482)
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	91.824.548.113	23.469.448.504
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(20.897.226.339)	(8.295.722.195)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(1.191.781.890)	(4.222.121.291)
Tiền lãi vay đã trả	14	(38.736.074.153)	(24.106.746.626)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(404.706.772)	(12.046.217.946)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(196.000.000)	(915.018.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	121.730.861.969	(230.095.073.359)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(4.220.729.750)	(2.584.495.139)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	4.782.323.233	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(77.000.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.267.802.444	8.784.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(14.170.604.073)	(2.575.710.681)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	1.198.295.623.521	1.313.020.308.534
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.325.099.640.017)	(1.061.801.200.066)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(126.804.016.496)	251.219.108.468
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(19.243.758.600)	18.548.324.428
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	27.998.841.626	20.849.462.837
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.755.083.026	39.397.787.265

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính riêng

Trương Thị Hồng Vân
Người lập biểu
Ngày 15 tháng 08 năm 2024

Lê Thị Phú
Kế toán trưởng

Nguyễn Đăng Hoàng
Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho báo cáo 6 tháng đầu năm 2024

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 17 ngày 27/10/2023 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Thương mại – Dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng 6 tháng đầu năm 2024.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

➤ Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

➤ Tại ngày 30/06/2024, Công ty có 06 công ty con như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1 đường C2, KCN Cát Lái 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	96,00%	96,00%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	51 Lê Hồng Phong, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại – dịch vụ	52,00%	52,00%
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224, Quốc lộ 51, P. Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Thương mại – dịch vụ	100%	95,00%
Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	Lô DVTM-08 và lô DVTM-11, Đường số 7, Khu chế xuất Tân Thuận, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP. Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	90,00%	90,00%
Công ty Cổ phần ô tô Phú Yên	Thôn Đông Phước, xã Hòa An, huyện Phú Hòa, tỉnh Phú Yên	Thương mại – dịch vụ	70,20%	99,00%

7. Số lượng nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 211 người (Tại ngày 30/06/2023: 216 người).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối năm.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Cơ sở kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tin hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại

2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;

- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT -BTC của Bộ Tài Chính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng trừ dần nguyên giá tài sản cố định, thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm	03 - 05 năm

5. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn...

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Phân loại:

- Chi phí trả trước ngắn hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.
- Chi phí trả trước dài hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

- + Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- + Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không phát sinh dự phòng đầu tư.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty không đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính do không có gốc ngoại tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển:* Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi:* Nhằm đem lại phúc lợi chung cho công nhân viên.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Các khoản chi phí khác không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

18. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

19. Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
Tiền mặt	888.847.729	764.154.615
Tiền gửi ngân hàng	7.866.235.297	27.234.687.01
Cộng	8.755.083.026	27.998.841.626
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% phải thu khách hàng)	95.402.606.486	118.486.883.628
- Công Ty Cổ Phần Easy Car	74.450.877.449	137.073.771.705
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	45.213.471.882	32.036.058.022
- Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang (bên liên quan)	29.595.100	4.914.322.146
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận (bên liên quan)	62.615.127	-
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Yên (bên liên quan)	438.158.348	468.158.348
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	427.467.509	-
Cộng	216.024.791.901	292.979.193.849
3. Trả trước cho người bán		
a. Ngắn hạn		
- Công ty TNHH Minh Long	117.033.111.035	115.405.616.926
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	100.000.000	100.000.000
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	1.031.254.251	1.062.377.770
Cộng	118.164.365.286	116.567.994.696
b. Dài hạn		
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	-	16.200.000.000
Cộng	-	16.200.000.000
4. Phải thu khác		
a. Ngắn hạn		
- Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	21.276.180.108	40.081.992.537
- Phải thu vốn góp hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Easy Car	14.204.590.000	14.204.590.000
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (bên liên quan)	-	1.902.600.000
- Phải thu khác Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang (bên liên quan)	4.848.595.214	4.285.413.068
- Phải thu khác Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	20.743.143.060	41.622.126.909
- Phải thu khác Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận (bên liên quan)	3.528.349.500	569.149.500
- Phải thu khác Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương (bên liên quan)	2.467.130.686	1.768.974.686
- Phải thu khác Công ty Cổ phần DAF Group	8.590.958.904	8.590.958.904
- Phải thu khác Công ty TNHH Minh Long	16.252.889.529	8.717.666.720
- Các khoản tạm ứng cho nhân viên	1.611.505.000	1.547.025.167
- Ký quỹ ngắn hạn cho Công ty TNHH Minh Long cải tạo nhà xưởng	65.160.000.000	65.160.000.000
- Phải thu khác tiền bán cổ phần Công ty CP Dasonmotors cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Dason	84.100.000.000	-
- Ký quỹ bảo lãnh ngân hàng	76.633.600.000	26.020.000.000
- Các khoản phải thu khác	24.949.213.705	26.395.991.850
Cộng	344.366.155.706	240.866.489.341

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

4. Phải thu khác (tiếp theo)

b. Dài hạn

- Ký quỹ thuê mặt bằng cho Công ty TNHH Minh Long	72.000.000.000	72.000.000.000
- Phải thu khác dài hạn Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	-	2.000.000.000
- Ký quỹ dài hạn khác	2.460.903.073	4.659.903.073
Cộng	74.460.903.073	78.659.903.073

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
- Hàng tồn kho ở kho Hồ Chí Minh	92.698.139	-	92.698.139	-
Cộng	92.698.139	-	92.698.139	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	428.721.795	-	79.216.204	-
- Chi phí sản xuất dở dang	4.180.465.453	-	4.413.372.690	-
- Hàng hóa (6.1)	145.783.624.318	-	237.724.770.785	-
Cộng	150.392.811.566	-	242.217.359.679	-

(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Xe mới các loại	109.349.927.251	200.822.243.945
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Hồ Chí Minh	25.275.559.257	25.576.120.084
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Vũng Tàu	3.537.883.393	3.953.606.709
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Bà Rịa	7.620.254.417	7.372.800.047
Cộng	145.783.624.318	237.724.770.785

7. Chi phí trả trước

a) Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	54.162.125	212.213.365
- Chi phí thuê mặt bằng chờ kết chuyển	197.000.000	-
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	3.970.616.273	1.749.109.926
Cộng	4.221.778.398	1.961.323.291

b) Dài hạn

- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.043.223.836	2.500.528.890
- Chi phí thuê mặt bằng, thuê đất chờ kết chuyển	49.000.000	-
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	5.585.913.021	6.246.281.184
Cộng	7.678.136.857	8.746.810.074

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

8. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.779.688.456	-	-	8.779.688.456
Máy móc, thiết bị	9.930.807.868	577.421.818	253.170.000	10.255.059.686
Phương tiện vận tải	19.823.534.546	2.294.154.545	5.689.600.000	16.428.089.091
Thiết bị, dụng cụ quản lý	964.174.793	-	-	964.174.793
Cộng	39.498.205.663	2.871.576.363	5.942.770.000	36.427.012.026
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.559.688.455	49.608.330	-	8.609.296.785
Máy móc, thiết bị	7.182.795.171	296.006.533	253.170.000	7.225.631.704
Phương tiện vận tải	6.361.451.873	1.365.869.402	3.001.597.335	4.725.723.940
Thiết bị, dụng cụ quản lý	827.570.496	19.421.056	-	846.991.552
Cộng	22.931.505.995	1.730.905.321	3.254.767.335	21.407.643.981
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	220.000.001			170.391.671
Máy móc, thiết bị	2.748.012.697			3.029.427.982
Phương tiện vận tải	13.462.082.673			11.702.365.151
Thiết bị, dụng cụ quản lý	136.604.297			117.183.241
Cộng	16.566.699.668			15.019.368.045

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 16.493.314.796 đồng.

9. Tài sản cố định vô hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối kỳ
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	2.174.730.000	-	-	2.174.730.000
Cộng	86.197.204.623	-	-	86.197.204.623
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	1.075.036.682	141.221.754	-	1.216.258.436
Cộng	1.075.036.682	141.221.754	-	1.216.258.436
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	1.099.693.318			958.471.564
Cộng	85.122.167.941			84.980.946.187

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 491.585.000 đồng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí mua bản quyền phần mềm	68.500.000	68.500.000
- Chi phí mua tài sản cố định khác	635.098.182	-
- Chi phí công trình trên đất Nguyễn Xi	868.600.660	154.545.455
Cộng	1.572.198.842	223.045.455

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

11. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
a) Công ty con	766.080.000.000	766.080.000.000	-	689.080.000.000	689.080.000.000	-
b) Công ty liên kết	26.000.000.000	26.000.000.000	-	26.000.000.000	26.000.000.000	-
c) Góp vốn vào đơn vị khác	105.000.000.000	105.000.000.000	-	153.000.000.000	153.000.000.000	-
d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	177.437.923.639	177.437.923.639	-	177.437.923.639	177.437.923.639	-
Cộng	1.074.517.923.639	1.074.517.923.639	-	1.045.517.923.639	1.045.517.923.639	-

a) Đầu tư vào công ty con	Tên công ty	Số lượng cổ phần đăng ký nắm giữ	Tỷ lệ đăng ký vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị đầu tư đến ngày 30/6/2024
	- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ	14.400.000	96,00%	96,00%	144.000.000.000
	- Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang	6.240.000	52,00%	52,00%	90.400.000.000
	- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	22.200.000	96,52%	96,52%	327.680.000.000
	- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận	10.800.000	90,00%	90,00%	108.000.000.000
	- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	5.700.000	95,00%	95,00%	57.000.000.000
	- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên	1.950.000	39,00%	99,00%	39.000.000.000
	Cộng				766.080.000.000
b) Đầu tư vào công ty liên kết					
	- Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương	2.600.000	20,00%	20,00%	26.000.000.000
	Cộng				26.000.000.000
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
	- Công Ty Cổ phần Dasonmotors	11.220.000	10,50%	10,50%	105.000.000.000
	Cộng				105.000.000.000

(11.1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311016926 ngày 03/6/2019 thay đổi lần 5 ngày 17/01/2024, Công ty CP City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty CP ô tô Phú Mỹ là 144 tỷ đồng, tương đương 98,53% vốn điều lệ. Tại ngày 30/6/2024, Công ty đã đầu tư 144 tỷ đồng, tương đương 96,00% vốn điều lệ.

(11.2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201649218 ngày 29/9/2023, Công ty CP City Auto đầu tư vào Công ty CP ô tô Nha Trang là 90,4 tỷ đồng, tương đương 52% vốn điều lệ. Tại ngày 30/6/2024, Công ty đã đầu tư 90,4 tỷ đồng, tương đương 52% vốn điều lệ.

(11.3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313964193 ngày 20/4/2020, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 22.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh từ các cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 327.680.000.000 đồng, tương đương 96,52% vốn điều lệ.

(11.4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316681972 ngày 19/01/2021, Công ty CP City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty CP Auto Tân Thuận là 108 tỷ đồng, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày 30/6/2024, Công ty đã đầu tư 108 tỷ đồng, tương đương 90% vốn điều lệ.

(11.5) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502405823 ngày 19/9/2019, Công ty CP City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty CP City Auto Vũng Tàu là 57 tỷ đồng, tương đương 95% vốn điều lệ. Tại ngày 30/6/2024, Công ty đã đầu tư 57 tỷ đồng, tương đương 95% vốn điều lệ.

(11.6) Công ty Cổ phần City Auto nhận chuyển nhượng 1.950.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên tương ứng 39% vốn điều lệ.

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần City Auto trong Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên là 70,2%, trong đó tỷ lệ lợi ích trực tiếp là 39%, tỷ lệ lợi ích gián tiếp (thông qua Công ty CP Ô tô Nha Trang) là 31,2%.

- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần City Auto trong Công ty Cổ phần Ô tô Phú Yên là 99%, trong đó tỷ lệ quyền biểu quyết trực tiếp là 39%, tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp (thông qua Công ty CP Ô tô Nha Trang) là 60%.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

11. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Ông Lê Đức Hòa	(11.7)	30.437.923.639	30.437.923.639
Công ty Cổ phần Daf Group	(11.8)	147.000.000.000	147.000.000.000
Cộng		177.437.923.639	177.437.923.639

(11.7) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 157/22/HĐUT ngày 10/10/2022 và phụ lục giữa Công ty CP City Auto và Ông Lê Đức Hòa, tổng số tiền được ủy thác: 31.000.000.000 đồng, thời hạn ủy thác là 36 tháng kể từ ngày hợp đồng được ký kết.

(11.8) Theo hợp đồng ủy thác đầu tư số 2007/2023-HĐUTĐT/CTF-DAF ngày 20/7/2023 giữa Công ty Cổ phần City Auto và Công ty Cổ phần Daf Group. Số tiền mà bên Công ty Cổ phần City Auto ủy thác đầu tư là 147.000.000.000 đồng. Thời hạn ủy thác là 84 tháng.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	11.497.875.933	11.497.875.933	5.260.540.194	5.260.540.194
- Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	165.809.296	165.809.296	4.114.000	4.114.000
- Công ty Cổ phần Auto Tân Thuận (bên liên quan)	28.148.053.008	28.148.053.008	8.600.000	8.600.000
- Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang (bên liên quan)	10.414.891	10.414.891	-	-
- Công Ty Cổ Phần Easy Car	21.970.780	21.970.780	2.639.874.035	2.639.874.035
- Các đối tượng khác	5.822.986.750	5.822.986.750	6.719.867.817	6.719.867.817
Cộng	45.667.110.658	45.667.110.658	14.632.996.046	14.632.996.046

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công Ty CP Tập Đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	-	14.728.645.394
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu (bên liên quan)	32.995.000.000	56.995.000.000
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh (bên liên quan)	23.716.600.000	-
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	9.003.496.816	7.193.694.111
Cộng	65.715.096.816	78.917.339.505

14. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu từ Nhà nước

a) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
	- Thuế GTGT phải nộp	184.951.578	135.511.488.823	135.298.699.698
- Thuế TNDN	404.706.772	-	404.706.772	-
- Thuế TNCN	360.650.955	859.431.350	1.090.138.884	129.943.421
- Thuế khác	-	9.000.000	9.000.000	-
Cộng	950.309.305	136.379.920.173	136.802.545.354	527.684.124
b) Phải thu	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối kỳ
	- Thuế GTGT còn được khấu trừ	11.512.453.732	123.203.637.203	134.716.090.935
- Thuế TNCN	-	856.626	-	856.626
Cộng	11.512.453.732	123.204.493.829	134.716.090.935	856.626

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí trả cho Công ty Ford Việt Nam	322.626.550	1.236.129.763
- Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	-	873.972.475
- Chi phí phải trả khác	3.632.231.752	4.501.894.740
Cộng	3.954.858.302	6.611.996.978

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

16. Các khoản phải trả khác ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	377.396.285	-
- Kinh phí công đoàn	230.640	-
- Tài sản thừa chờ xử lý	607.888.511	606.145.005
- Phải trả Công ty CP Auto Tân Thuận (bên liên quan)	302.000.000	1.000.000.000
- Phải trả Công ty CP Auto Bình Phước (bên liên quan)	11.859.260.939	10.459.260.939
- Chi hộ Công ty Ford Việt Nam cho nhân viên bán hàng	2.229.620.425	3.367.210.470
- Phải trả Công ty CP Ô Tô Phú Mỹ (Bên liên quan)	5.858.710	-
- Phải trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	264.000.000	264.000.000
- Các khoản phải trả khác	3.848.205.496	3.124.477.288
Cộng	19.494.461.006	18.821.093.702

17. Vay và nợ thuê tài chính	Số đầu năm	Trong kỳ		Số cuối kỳ
		Tăng	Giảm	
	Giá trị/Số có khả năng trả nợ			Giá trị/Số có khả năng trả nợ
(a) Ngắn hạn	774.336.544.068	1.198.295.623.521	1.250.099.640.017	697.532.527.572
- NH Ngoại thương (17.1)	190.955.392.000	178.289.942.000	256.518.672.000	112.726.662.000
- NH Đầu tư và Phát triển (17.2)	179.759.623.000	278.144.597.250	292.619.244.500	165.284.975.750
- NH HSBC (17.3)	83.386.321.568	22.491.484.449	105.877.806.017	-
- NH Quốc tế (17.4)	81.947.633.500	99.969.247.500	167.113.392.000	14.803.489.000
- NH Việt Nam Thịnh Vượng (17.5)	23.606.494.000	169.940.037.322	97.540.445.500	96.006.085.822
- NH Bangkok đại chúng TNHH (17.6)	130.000.000.000	260.000.000.000	260.000.000.000	130.000.000.000
- NH TMCP Đông Nam Á - SeABank (17.7)	34.681.080.000	69.619.000.000	64.980.080.000	39.320.000.000
- NH First Bank (17.8)	-	119.841.315.000	5.450.000.000	114.391.315.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	50.000.000.000	-	-	25.000.000.000
(b) Dài hạn	250.000.000.000	-	75.000.000.000	200.000.000.000
- Trái phiếu phát hành	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
- NH Tiên Phong (17.9)	250.000.000.000	-	25.000.000.000	225.000.000.000
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(50.000.000.000)	-	-	(25.000.000.000)
Cộng	1.024.336.544.068	1.198.295.623.521	1.325.099.640.017	897.532.527.572

(17.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0115/KHDN/24/HMCV ngày 17/5/2024 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh được quy định cụ thể tại hợp đồng thế chấp số 094/KHDN/20/HĐBĐ ngày 07/8/2020.

(17.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 90/2023/11402179/HĐTD ngày 27/7/2023 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100%, bất động sản hoặc tiền gửi.

(17.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) theo Thỏa thuận chung về tiện ích số VNM 115323 ngày 19/9/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(17.4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2756712.23 ngày 26/6/2023 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

(17.5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số BCLC-1928-01 ngày 29/01/2024 với tổng hạn mức vay là 170 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: hợp đồng tiền gửi, số dư tài khoản, số tiết kiệm gửi tại VPBank và xe ô tô thương hiệu Ford (CKD và CBU) các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

(17.6) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH theo hợp đồng tín dụng hạn mức số CP/HCM/007-23 ngày 19/5/2023 với tổng hạn mức vay là 130 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này gồm: cầm cố số dư ngân hàng bằng 20% hạn mức của hạn mức tín dụng tổng hợp, thư bảo lãnh cá nhân do ông Trần Ngọc Dân với số tiền là 104 tỷ đồng.

(17.7) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 13/2023/HĐTD-HM/TKD ngày 15/8/2023 với hạn mức vay là 80 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 03 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo: thế chấp bằng xe Ford hình thành từ vốn vay và/hoặc xe có sẵn trong kho mới 100%.

(17.8) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng First Commercial Bank Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số STLUS-H30230281 ngày 16/01/2024 với hạn mức vay là 115 tỷ đồng; bên vay được rút vốn nhiều lần trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động. Biện pháp đảm bảo:

- Tiền gửi có kỳ hạn: Bên vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 40% giá trị giải ngân dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân Vốn lưu động. Nếu tổng Dư nợ tại thời điểm thực hiện giải ngân vượt mức 70 tỷ đồng thì bên Vay phải cung cấp một khoản tiền bằng 50% của phần vượt trên 70 tỷ đồng dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn để làm đảm bảo khi giải ngân vốn lưu động.

- Bảo lãnh cá nhân: là (các) bảo lãnh do Ông Trần Ngọc Dân CCCD số: 027053004885 ký phát cho Ngân hàng hưởng lợi, với nội dung là những người bảo lãnh sẽ bảo lãnh một cách không hủy ngang và vô điều kiện với Ngân hàng về việc hoàn trả đúng hạn và dứt điểm khoản Tín dụng.

(17.9) Vay dài hạn từ Ngân hàng TMCP Tiên Phong theo hợp đồng cho vay số 18/2023/HĐTD/TTKHDNL MN2 ngày 23/10/2023 với số tiền vay là 250 tỷ đồng; thời gian vay tối đa 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên và không vượt quá thời gian vay còn lại theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/7/2023, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Mục đích vay: thanh toán khoản nợ đã vay từ Công ty Cổ phần Bất động sản Bảo Long theo hợp đồng mượn tiền số 2507/HĐ/CTF-BL.23 ngày 25/7/2023 và các phụ lục hợp đồng (nếu có). Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được qui định cụ thể trong hợp đồng thế chấp số 90/2023/HĐBD/TTKHDNL MN2 ngày 15/11/2023.

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Số dư đầu năm	722.578.455	1.713.846.454
Giảm do chi quỹ	(196.000.000)	(915.018.999)
Số dư cuối kỳ	<u>526.578.455</u>	<u>798.827.455</u>

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2023	Tăng	Giảm	30/6/2023
- Vốn góp của chủ sở hữu	760.175.420.000	-	-	760.175.420.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.152.481.800	-	-	3.152.481.800
- LNST chưa phân phối	96.809.981.705	74.321.613.841	-	171.131.595.546
Cộng	<u>860.137.883.505</u>	<u>74.321.613.841</u>	-	<u>934.459.497.346</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

19. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

	01/01/2024	Tăng	Giảm	30/6/2024
- Vốn góp của chủ sở hữu	893.964.630.000	-	-	893.964.630.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19.004.385.000	-	-	19.004.385.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.152.481.800	-	-	3.152.481.800
- LNST chưa phân phối	87.031.204.699	64.191.035.170	4.151.076.876	147.071.162.993
Cộng	1.003.152.701.499	64.191.035.170	4.151.076.876	1.063.192.659.793

b) Lợi nhuận chưa phân phối	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	87.031.204.699	96.809.981.705
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	64.191.035.170	74.321.613.841
- Nộp tiền thuế bị truy thu	(4.151.076.876)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ	147.071.162.993	171.131.595.546

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 17 ngày 27/10/2023 là 893.964.630.000 đồng tương đương 89.396.463 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	89.396.463	89.396.463
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	89.396.463	89.396.463
+ Cổ phiếu phổ thông	89.396.463	89.396.463
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	89.396.463	89.396.463
+ Cổ phiếu phổ thông	89.396.463	89.396.463
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>	<i>10.000 đồng/cp</i>

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Doanh thu bán hàng hoá	1.266.902.453.132	1.446.619.937.617
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	81.689.750.960	87.556.899.766
Cộng	1.348.592.204.092	1.534.176.837.383
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	20.996.770.835	41.015.454.544
Chiết khấu thương mại	478.781.820	-
Cộng doanh thu thuần	1.327.116.651.437	1.493.161.382.839
Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	1.233.787.225.706	1.397.296.689.088
Doanh thu bán phụ tùng	11.642.948.331	8.307.793.985
Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.495.186.697	85.226.199.451
Doanh thu khác	2.191.290.703	2.330.700.315
Cộng	1.327.116.651.437	1.493.161.382.839

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Giá vốn xe đã bán	1.208.670.238.494	1.349.570.018.030
- Giá vốn hàng hóa đã bán	9.167.164.286	5.944.037.894
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	46.710.630.738	52.023.375.328
Cộng	1.264.548.033.518	1.407.537.431.252
3. Doanh thu hoạt động tài chính	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Lãi tiền gửi ngân hàng	1.011.807.034	8.784.458
- Lãi từ khoản ký quỹ	16.058.479.427	15.833.252.967
- Lãi từ đầu tư	45.100.000.000	1.056.571.212
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	48.900.490.392	58.031.271.056
Cộng	111.070.776.853	74.929.879.693
4. Chi phí hoạt động tài chính	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Chi phí lãi vay	37.862.101.678	23.714.567.905
Cộng	37.862.101.678	23.714.567.905
5. Chi phí bán hàng	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Chi phí nhân viên	24.163.370.333	21.806.020.061
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.666.551.400	1.742.833.143
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.033.616.676	964.686.593
- Chi phí hoa hồng bán hàng, khuyến mãi, hàng tặng	22.818.568.836	12.621.745.655
- Chi phí bằng tiền khác	1.270.326.046	13.134.437.687
Cộng	54.952.433.291	50.269.723.139
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Chi phí nhân viên quản lý	7.733.518.835	6.985.030.040
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	738.956.416	1.624.608.659
- Chi phí khấu hao TSCĐ	205.575.675	236.797.945
- Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(3.570.151.900)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.858.724.242	7.385.108.865
- Chi phí bằng tiền khác	1.364.733.898	2.396.807.367
Cộng	21.901.509.066	15.058.200.976
7. Thu nhập khác	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	2.094.320.568	-
- Thu từ các chương trình thưởng từ Ford Việt Nam	4.067.750.045	3.127.239.000
- Thu nhập khác	229.080.663	486.552.149
Cộng	6.391.151.276	3.613.791.149

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
8. Chi phí khác		
- Chi phí phạt nộp chậm thuế	1.069.578.558	-
- Chi phí xử lý nợ không thu hồi được	-	62.484.093
- Chi phí khác	53.888.285	
Cộng	1.123.466.843	62.484.093
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	64.191.035.170	75.062.646.316
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.069.578.558	-
Trừ/Cộng: Thu nhập chưa chịu thuế kỳ này	(19.549.605.517)	(19.129.945.157)
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	(48.900.490.392)	(58.031.271.056)
Thu nhập chịu thuế ước tính	(3.189.482.181)	(2.098.569.897)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ này	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.264.548.033.518	1.407.537.431.252
- Chi phí nhân công	31.896.889.168	28.791.050.101
- Chi phí khấu hao	1.872.127.075	1.979.631.048
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.892.340.918	8.349.795.458
- Chi phí khác	26.192.585.196	26.207.447.508
Cộng	1.341.401.975.875	1.472.865.355.367

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

a/ Các bên liên quan

Bên liên quan

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, và Ban Kiểm soát
Công ty CP Auto Trường Chinh
Công ty CP ô tô Phú Mỹ
Công ty CP ô tô Nha Trang
Công ty CP Auto Tân Thuận
Công ty CP ô tô Phú Yên
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu
Công ty CP Auto Bình Phước
Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô

Mối quan hệ

Thành viên quản lý chủ chốt
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty liên kết
Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong 6 tháng đầu năm 2024, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con	Cổ tức được chia	20.712.600.000
		Cổ tức đã nhận	20.712.600.000
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	94.620.194.274
		Mua hàng hóa, dịch vụ	93.612.235.522
		Cổ tức đã nhận	26.178.577.556
		Cổ tức được chia	19.300.690.392
		Doanh thu tài chính	99.726.029
		Bán hàng hóa, dịch vụ	16.703.566.445
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Mua hàng hóa	11.190.458.873
		Cổ tức đã nhận	5.364.817.854
		Cổ tức được chia	5.928.000.000
		Bán hàng hóa	104.604.755.264
Công ty CP Auto Tân Thuận	Công ty con	Mua hàng hóa	144.626.220.137
		Cổ tức được chia	2.959.200.000
		Chi phí tài chính	45.475.566
		Thu nhập khác	177.777.778
		Chuyển nhượng khoản đầu tư	7.000.000.000
Công ty CP Auto Bình Phước	Bên liên quan	Bán hàng hóa, dịch vụ	31.434.176.545
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Mua hàng hóa	17.951.628.235
		Nhận cung cấp dịch vụ	1.317.068.878

Hội đồng Quản trị và ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT/ Cố vấn điều hành	Thù lao	120.000.000
		Tiền lương	81.000.000
Ông Trần Lâm	Thành viên	Thù lao	30.000.000
Ông Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên/ Tổng Giám đốc	Thù lao	30.000.000
		Tiền lương	192.035.000
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Thành viên	Thù lao	30.000.000
Ông Phan Hoàng Sơn	Thành viên	Thù lao	30.000.000

Ban Kiểm soát

Ông Đào Trọng Vũ	Trưởng ban	Thù lao	18.000.000
Ông Lê Danh Thủ	Thành viên	Thù lao	18.000.000
Bà Đỗ Thị Như Duyên	Thành viên	Thù lao	18.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

1. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư phải thu/ phải trả đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc kỳ tài chính:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Phải thu khách hàng	45.213.471.882
		Phải thu khác	20.743.143.060
		Phải trả người bán	165.809.296
		Phải trả khác	5.858.710
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Phải thu khách hàng	29.595.100
		Phải trả người bán	10.414.891
		Phải thu khác	4.848.595.214
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con	Người mua trả tiền trước	23.716.600.000
Công ty CP Auto Tân Thuận	Công ty con	Phải thu khách hàng	62.615.127
		Phải thu khác	3.528.349.500
		Phải trả người bán	28.148.053.008
		Phải trả khác	302.000.000
Công ty CP ô tô Phú Yên	Công ty con	Chi phí phải trả	45.475.566
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Công ty con	Phải thu khách hàng	438.158.348
Công ty Cổ Phần Auto Dĩ An - Bình Dương	Công ty liên kết	Người mua trả tiền trước	32.995.000.000
Công ty CP Auto Bình Phước	Công ty trong cùng tập đoàn	Phải thu khác	2.467.130.686
Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	Bên liên quan	Phải trả khác	11.859.260.939
		Phải thu khách hàng	427.467.509
		Trả trước người bán	100.000.000
		Chi phí phải trả	163.132.763

2. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh xe, bộ phận dịch vụ sửa chữa, bộ phận kinh doanh phụ tùng, phụ kiện.

a. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2024

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	1.233.787.225.706	81.686.477.400	11.642.948.331	1.327.116.651.437
2. Giá vốn hàng bán	1.208.670.238.494	46.710.630.738	9.167.164.286	1.264.548.033.518
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	25.116.987.212	34.975.846.662	2.475.784.045	62.568.617.919
Tài sản không phân bổ				2.100.248.017.291
Tổng tài sản				2.100.248.017.291
Nợ phải trả không phân bổ				1.037.055.357.498
Tổng nợ phải trả				1.037.055.357.498

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Thông tin về Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

b. Báo cáo bộ phận 6 tháng đầu năm 2023

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	1.397.296.689.088	87.556.899.766	8.307.793.985	1.493.161.382.839
2. Giá vốn hàng bán	1.349.570.018.030	52.023.375.328	5.944.037.894	1.407.537.431.252
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	47.726.671.058	35.533.524.438	2.363.756.091	85.623.951.587
Tài sản không phân bổ				1.777.737.931.670
Tổng tài sản				1.777.737.931.670
Nợ phải trả không phân bổ				842.537.401.849
Tổng nợ phải trả				842.537.401.849

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.

4. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính Riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính Riêng giữa niên độ đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) soát xét cho kỳ tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023.

5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính riêng.


Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

Ngày 15 tháng 08 năm 2024


Lê Thị Phú

Kế toán trưởng


Nguyễn Đăng Hoàng

Tổng Giám đốc

